

Bản án số: 19/2022/HS-ST
Ngày 28-12-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TU, TỈNH LC

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Đình Cường và Bà Nguyễn Thị Huyền

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thúy Phương - Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TU, tỉnh LC tham gia phiên tòa:*
Bà Lương Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TU xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 19/2022/TLST-HS ngày 25 tháng 11 năm 2022 theo Q định đưa vụ án ra xét xử số 20/2022/QĐXXST-HS ngày 16/12/2022 đối với bị cáo:

Họ và tên **Đình Hải Nam**; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh năm 2002; Nơi sinh: huyện PY, tỉnh SL; Nơi cư trú: bản Cóc 1, xã TH, huyện PY, tỉnh SL; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Đình Văn T, sinh năm 1965 và con bà Cẩm Thị Q, sinh năm 1971; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Vợ, con: Chưa có; Tiền án; tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/9/2022 đến ngày 10/9/2022 bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” tại xã TH, huyện PY, tỉnh SL. Có mặt tại phiên tòa.

* Bị hại: Ông Lò Văn M, sinh năm 1979 và bà Lò Thị P, sinh năm 1980; cùng trú tại bản C, thị trấn TU, huyện TU, tỉnh LC. Đều có mặt.

* Người làm chứng: Chị Lò Thị P, sinh năm 1999; địa chỉ: Bản C, thị trấn TU, huyện TU, tỉnh LC. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 8 năm 2021, khi làm thuê tại thành phố Hà Nội, Đình Hải N đã yêu Lò Thị P và sống chung với nhau như vợ chồng. Trong thời gian ở chung,

để có tiền chi trả các khoản sinh hoạt nên Nvà P thống nhất cùng nhau vay tiền của Công ty tài chính qua trang web: h5vaytien.com. Số tiền vay được, Nvà P đã chi tiêu sinh hoạt trong thời gian chung sống. Đến giữa tháng 5 năm 2022, Nvà P cùng về huyện TU, tỉnh LC và ở chung nhà cùng với bố mẹ đẻ P là ông Lò Văn M và bà Lò Thị P tại bản C, thị trấn TU, huyện TU, tỉnh LC. Vào khoảng 15 giờ, trong khoảng từ ngày 15/7/2022 đến ngày 20/7/2022 khi chỉ có mình Nở nhà thì Nhìn thấy cánh tủ quần áo trong phòng ngủ ông M, bà P đang khép hờ, có một tay áo trong tủ thò ra phía ngoài nên Nđi thẳng vào trong phòng mở cánh tủ ra xem. Khi mở tủ ra Nthấy trong tủ có quần áo và một túi nilon màu đỏ được đặt cạnh một chiếc áo khoác màu đen. Thấy vậy, Nlấy túi nilon mở ra xem thì thấy bên trong túi có 04 cọc tiền mệnh giá 500.000 đồng, mỗi cọc được buộc bằng dây cao su màu vàng nên Nnảy sinh ý định lấy trộm tiền để mang đi trả nợ số tiền mà Nam, P đã vay của Công ty tài chính từ trước. Ncầm từng cọc tiền lên rút ngẫu nhiên nhiều tờ tiền ở trong cả bốn cọc tiền này nhằm mục đích không bị phát hiện, số tiền rút ra tổng là 54.000.000 đồng (gồm 108 tờ tiền polime mệnh giá 500.000 đồng), còn lại Ncho vào túi nilon màu đỏ rồi để lại vị trí cũ. Nmang số tiền vừa trộm được về phòng ngủ của Nvà P cất ở gầm giường, đến tối cùng ngày Nlấy chiếc áo phông của Nphủ lên trên số tiền lấy trộm được để tránh bị phát hiện. Khoảng hai ngày sau, Nmang toàn bộ số tiền 54.000.000 đồng trộm được xuống thành phố Hà Nội để trả nợ cho Công ty tài chính mà Nvà P đã vay tiền trước đó. Trả nợ xong, Nđi về nhà tại huyện PY, tỉnh SL nghỉ một ngày rồi đi sang nhà ông M, bà P ở huyện TU và ở cùng với Lò Thị P như bình thường. Đến ngày 31/8/2022 ông Lò Văn M phát hiện bị mất tiền nên đã báo Công an huyện TU và hỏi lại mọi người trong gia đình, biết sự việc không thể giấu được nên Nđã thừa nhận việc lấy trộm tiền với vợ chồng ông M và Lò Thị P. Đến ngày 01/9/2022 Đính Hải Đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TU để đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi của mình.

Bản Cáo trạng số 84/CT-VKS-TU ngày 25/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TU đã truy tố bị cáo Đính Hải Nvề tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về Bản Kết luận điều tra số 75/KLĐT ngày 10/11/2022 của Cơ quan CSĐT Công an huyện TU và Bản Cáo trạng nêu trên.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù nhưng cho hưởng án

treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản”; Giao bị cáo cho chính quyền địa P nơi bị cáo cư trú, giám sát, giáo dục; miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng, không có ý kiến tranh luận đối với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TU.

Bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo hưởng án treo vì con gái của bị hại mới sinh con chung với bị cáo, hiện con bị cáo còn rất nhỏ.

Tại lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo rất ăn năn hối hận về việc làm của mình và xin lỗi bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Q định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện TU, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TU, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Q định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Q định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với nội dung vụ án, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thu thập hợp pháp. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định: Do bị cáo cần tiền để trả nợ các khoản vay mà bị cáo cùng chị Lò Thị P đã vay trên các App của các Công ty tài chính nên trong khoảng từ ngày 15/7/2022 đến ngày 20/7/2022, tại gia đình ông Lò Văn M, thuộc bản C, thị trấn TU, huyện TU, tỉnh LC, bị cáo Đinh Hải N đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu có hành vi trộm cắp chiếm đoạt số tiền 54.000.000 đồng của ông Lò Văn M, bà Lò Thị P. Sau khi trộm cắp được tiền bị cáo N đã mang đi trả nợ hết. Bị cáo Đinh Hải N là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, quan điểm về tội danh, mức hình phạt và các vấn đề liên quan đối với bị cáo của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn có cơ sở, đúng pháp luật. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đủ nhận thức để điều khiển hành vi của mình nhưng coi thường pháp luật và lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu trong việc bảo quản tài sản nên đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Hành vi của

bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an ở địa P.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo học đến lớp 12/12, chưa có tiền án, tiền sự; không phải là đối tượng nghiện ma túy.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo tự khắc phục hậu quả bồi thường số tiền 40 triệu đồng cho bị hại; sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã đầu thú, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo. Do vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Không có.

Trên cơ sở tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Xét thấy bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cần giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục cũng đủ răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, xét điều kiện hoàn cảnh của bị cáo còn có khó khăn, nghề nghiệp của bị cáo là lao động tự do, nguồn thu nhập không ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử Q định miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 40.000.000đồng. Tại phiên tòa bị hại và bị cáo tự thỏa thuận về việc tiếp tục bồi thường số tiền 14.000.000đồng, không yêu cầu Tòa án giải Q nên Hội đồng xét xử không xem xét giải Q.

[6] Những vấn đề liên quan:

Khi thực hiện việc trộm cắp tài sản của ông M và bà P, bị cáo N không nói và chị P không biết. Do vậy Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện TU không đề cập xử lý đối với Lò Thị P là đúng quy định.

Theo lời khai của bị hại là ông Lò Văn M đã bị mất tổng số tiền 94.000.000 đồng. Quá trình điều tra, chỉ xác định Đinh Hải N trộm cắp 54.000.000 đồng nên không có cơ sở để xác định số tiền còn lại.

[7] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

Q ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự; Điều 135; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đinh Hải Nphạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (Năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (28/12/2022). Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã TH, huyện PY, tỉnh SL giám sát, giáo dục. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể Q định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án lên Tòa án nhân dân cấp trên.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LC;
- VKSND tỉnh LC;
- Sở tư pháp tỉnh LC;
- VKSND huyện TU;
- Chi Cục THADS huyện TU;
- Công an huyện TU;
- UBND xã TH, PY, SL;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Tuyết Thanh

